



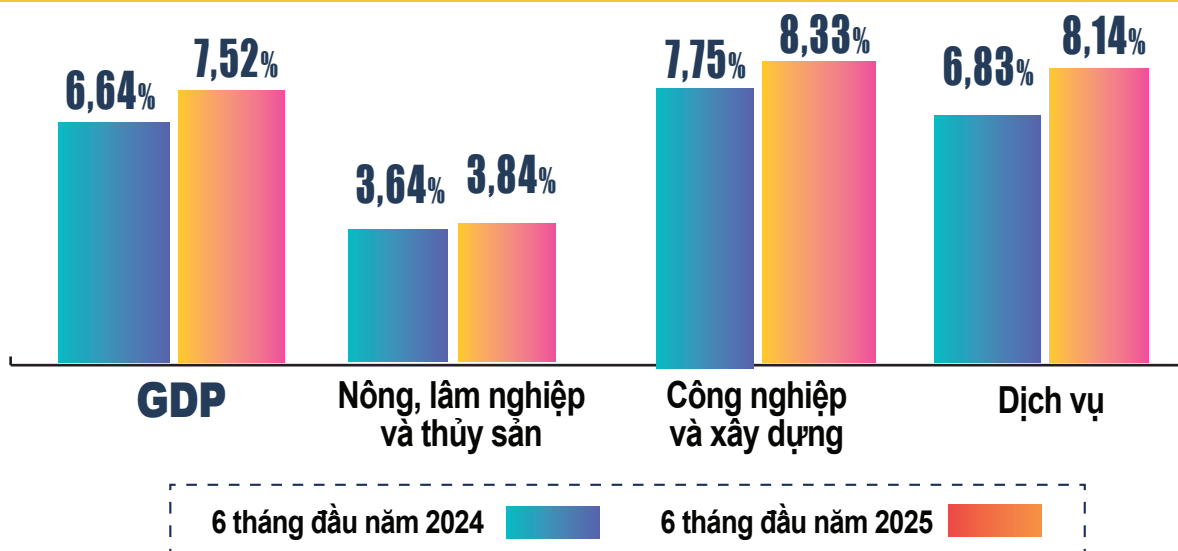
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI



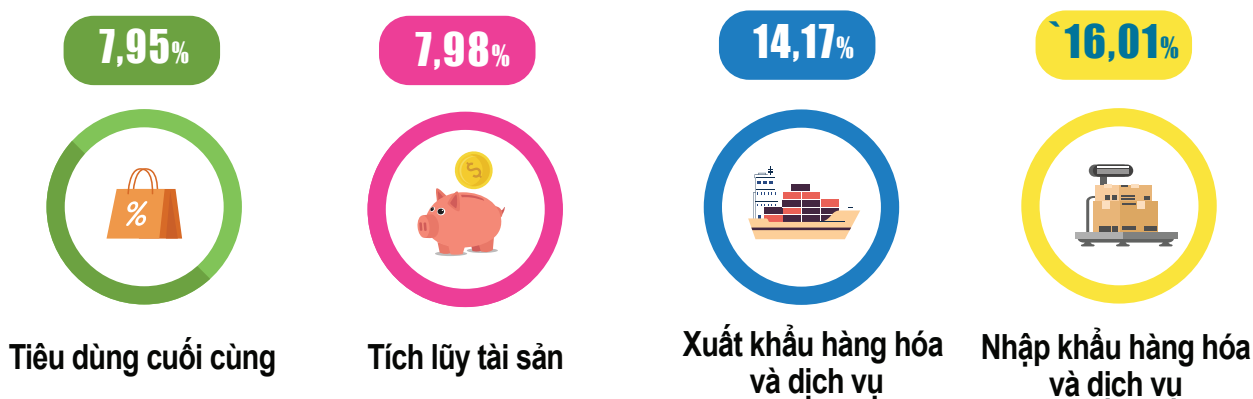
QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

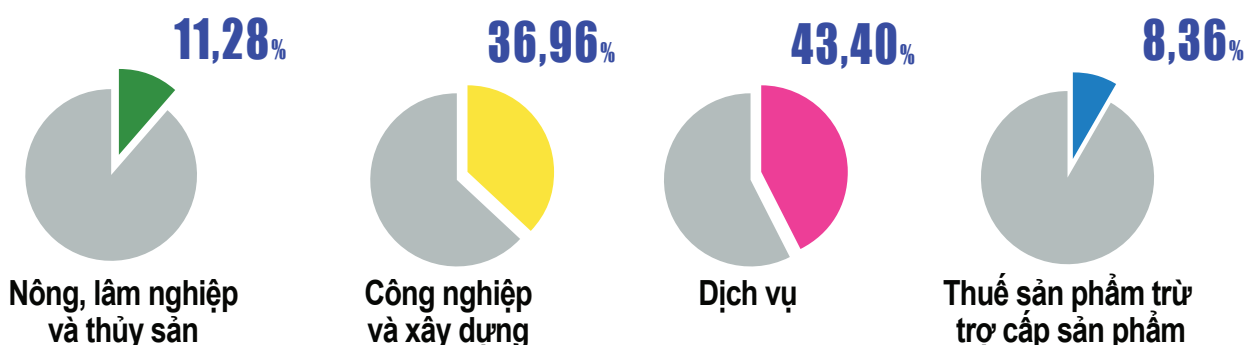
Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước



Tốc độ tăng GDP theo phương pháp sử dụng 6 tháng đầu năm 2025



Cơ cấu GDP 6 tháng đầu năm 2025



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trồng trọt tính đến 20/6/2025

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu (Nghìn ha, tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)



2.970,2

▲ 0,5%

Lúa Đông Xuân

596,7

▲ 0,7%

Ngô

54,3

▼ 3,9%

Khoai lang

12,1

▼ 7,9%

Đậu tương

100,1

▼ 1,4%

Lạc

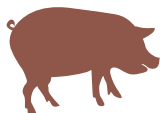
690,6

▲ 2,0%

Rau đậu

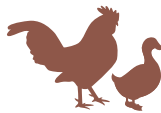
Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 6/2025 so với cùng thời điểm năm trước

▲ **3,8%**



Lợn

▲ **4,0%**



Gia cầm

▼ **3,4%**



Trâu

▼ **0,6%**



Bò

Lâm nghiệp 6 tháng đầu năm 2025

Sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2025

(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)



153,5 nghìn ha
▲ 18,9%

Diện tích rừng trồng mới tập trung

11,2 triệu m³
▲ 9,0%



Sản lượng gỗ khai thác

Tổng số

4.550,9 nghìn tấn
▲ 3,1%

Nuôi trồng

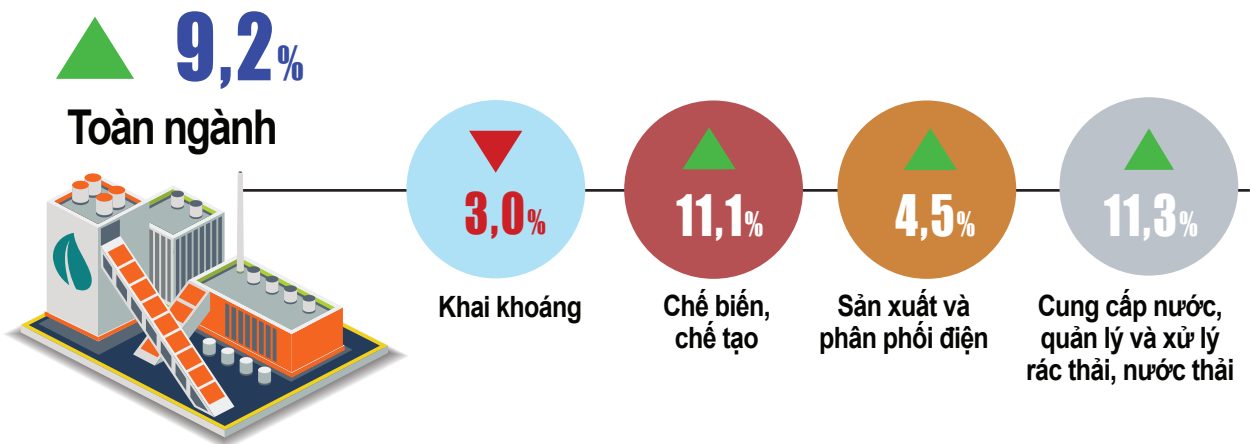
2.579,2 nghìn tấn
▲ 4,9%

Khai thác

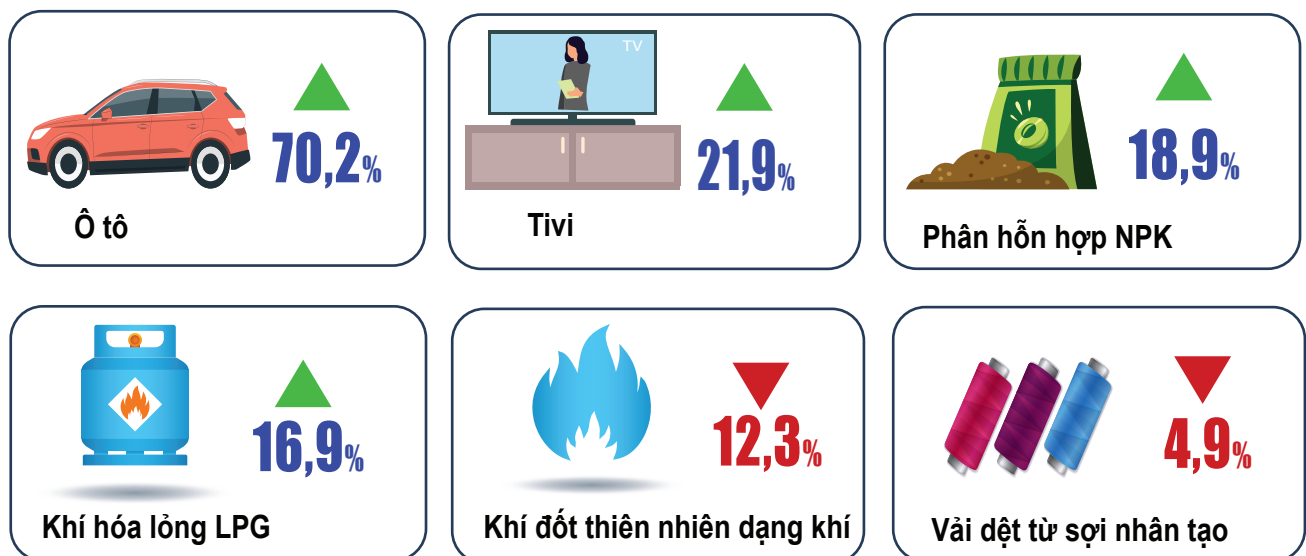
1.971,7 nghìn tấn
▲ 1,0%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Tốc độ tăng/giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

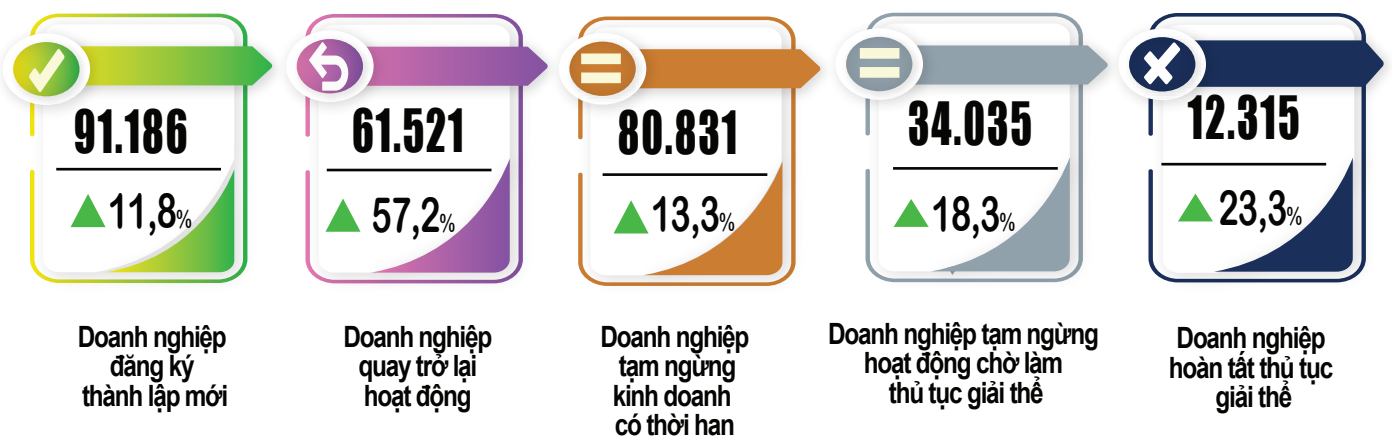


Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

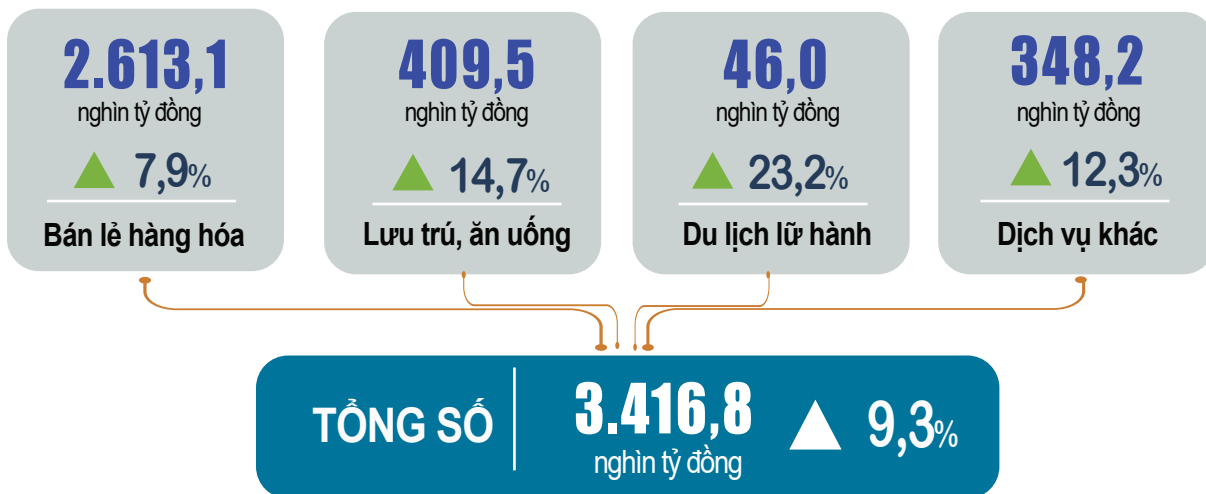
(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)



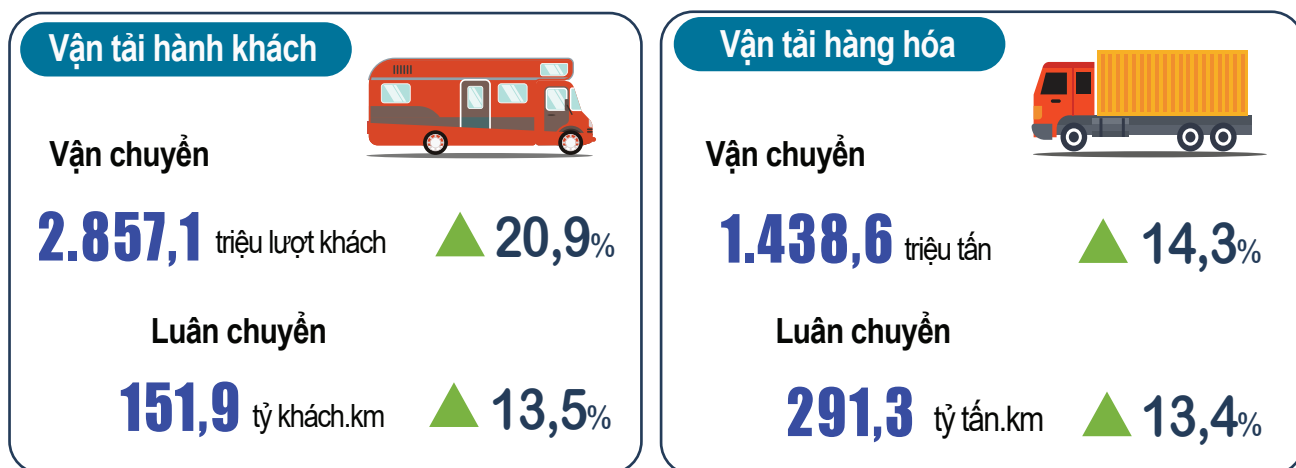
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)

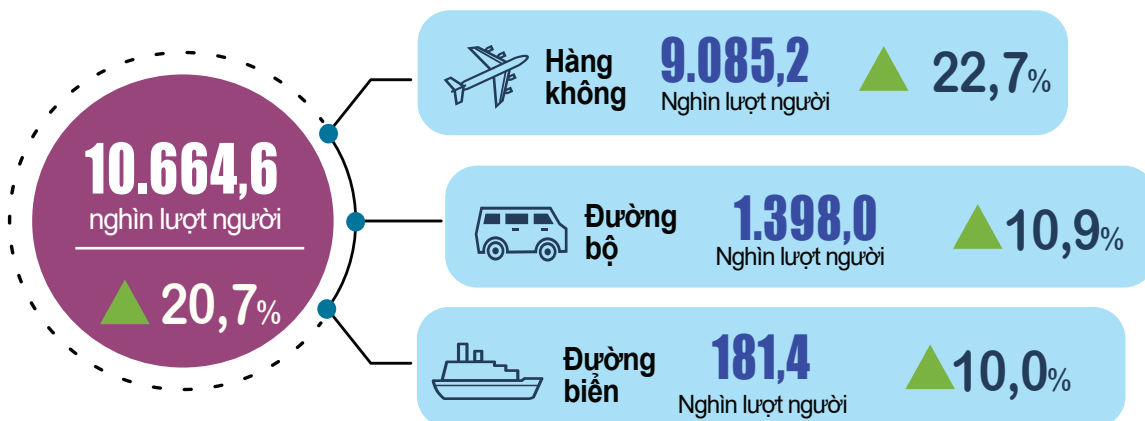
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



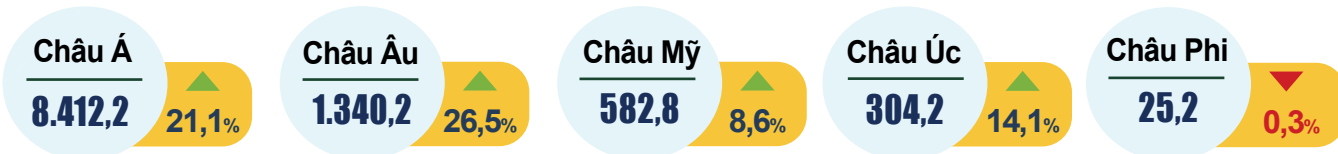
Vận tải hành khách và hàng hóa



Khách quốc tế đến Việt Nam



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội
6 tháng đầu năm 2025

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
từ 1/1 đến 30/6/2025

(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)

Tổng số

1.591,9 nghìn tỷ đồng **▲ 9,8%**

Tổng vốn đăng ký

21,52 tỷ USD **▲ 32,6%**

Nhà nước

445,8
nghìn tỷ đồng
▲ 14,1%

Ngoài NN

858,9
nghìn tỷ đồng
▲ 7,5%

FDI

287,2
nghìn tỷ đồng
▲ 10,6%

Tổng vốn thực hiện

11,72 tỷ USD **▲ 8,1%**

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)

Xuất khẩu

219,83 tỷ USD
▲ 14,4%

TỔNG KIM NGẠCH

432,03 tỷ USD **▲ 16,1%**

Nhập khẩu

212,20 tỷ USD
▲ 17,9%

XUẤT SIÊU

7,63 tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

100,48%

CPI tháng 6/2025
so với
tháng trước

103,57%

CPI tháng 6/2025
so với
tháng 6/2024

103,27%

CPI BQ 6 tháng đầu
năm 2025 so với
cùng kỳ
năm trước

137,40%

Chỉ số giá vàng
BQ 6 tháng đầu
năm 2025 so với
cùng kỳ
năm trước

103,30%

Chỉ số giá đô la Mỹ
BQ 6 tháng đầu
năm 2025 so với
cùng kỳ
năm trước

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Lao động, việc làm

Lao động có việc làm



51,9 triệu người

▲ **538,1** nghìn người
so với cùng kỳ năm trước

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động

2,22%



Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động

1,72%



Thu nhập bình quân tháng của lao động

8,3

triệu đồng/tháng



▲ **760** nghìn đồng
so với cùng kỳ năm trước

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Sốt phát ban

110,1

nghìn trường hợp

(**11** người tử vong)



Sốt xuất huyết

32,6

nghìn trường hợp

(**5** người tử vong)



Tay chân miệng

28,1

nghìn trường hợp



Ngộ độc thực phẩm

35 vụ

406 người
bị ngộ độc

(**10** người tử vong)

Tai nạn giao thông

Số vụ tai nạn

8.999

Bình quân 1 ngày

49

Vụ

Số người chết

5.024

Bình quân 1 ngày

28

người

Số người bị thương

6.087

Bình quân 1 ngày

33

người